TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiệm.

2. Bà Phạm Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Duy Thường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Trường Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Nguyệt H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn T (xóm T cũ), xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Trần Huy S, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ dân phố N (xóm 2 cũ), thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam.

3. Người làm chứng: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn T (xóm T cũ), xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Phiên toà có mặt: Chị H, bà N, anh S xin giải quyết vụ án vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 13/3/2019, lời khai của nguyên đơn chị Đỗ Thị Nguyệt H; lời khai của bị đơn anh Trần Huy S cùng các tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Nguyệt H và anh Trần Huy S lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2016 tại UBND thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

* *Chị Đỗ Thị Nguyệt H cho rằng*: Sau khi kết hôn, chị và anh S chỉ chung sống hòa thuận được khoảng 02 tháng thì phát sinh nhiều va chạm, mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S không chịu tu chí ăn làm, không quan tâm trách nhiệm tới vợ con, suốt ngày chơi lô đề, cờ bạc, điện tử…, dẫn đến nợ nần rồi về gây áp lực tinh thần, bắt chị phải trả nợ. Chị đã nhiều lần phải trả nợ thay và cho anh S cơ hội để sửa chữa nhưng anh S không thay đổi ngày càng chơi bời, nợ nần nhiều hơn nên mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay.

* *Anh Trần Huy S cho rằng*: Việc anh chơi đánh bạc, bị thua lỗ, vay nợ mất khoảng 50.000.000 đồng là đúng. Nhưng khoản nợ trên là do bố mẹ đẻ anh và anh tự làm trả nợ, chị H không phải trả nợ cho anh. Vợ chồng anh chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 7/2018 thì xảy ra mâu thuẫn, đánh chửi nhau và đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Chị H và anh S đều xác định: Trong khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân (từ tháng 7/2018 cho đến nay), giữa chị H với anh S và bố mẹ đẻ 02 bên gia đình anh chị xảy ra nhiều va chạm, mâu thuẫn, phải nhờ đến Ban Công an xã C và thị trấn V can thiệp. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, chị H có đơn ly hôn anh S hoàn toàn nhất trí.

* *Bà Vũ Thị N có quan điểm*: Bà là mẹ đẻ của chị H. Chị H và anh S chỉ chung sống hòa thuận được khoảng 02 tháng thì phát sinh nhiều va chạm, mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S không chịu tu chí ăn làm, ham chơi bời, nợ nần làm ảnh hưởng đến kinh tế chung của vợ chồng. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và đã sống ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh S nhiều lần đến nhà bà gây rối trật tự, gia đình bà phải báo, gọi Công an xã C đến can thiệp. Nay bà xác định chị H và anh S không thể chung sống với nhau được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết để chị H được ly hôn anh S theo quy định của pháp luật. Con chung của chị H và anh S là cháu L hiện đang do chị H nuôi dưỡng, vợ chồng bà có hỗ trợ để chị H nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho cháu L. Nếu chị H và anh S ly hôn, Tòa án nên giao cháu L cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, vì cháu L còn bé, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ hơn và chị H có công việc, thu nhập ổn định, lại được vợ chồng bà hỗ trợ trong việc chăm sóc cho cháu L.

2. Về con chung: Chị H - anh S có 01 con chung là cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 06/6/2017 (26 tháng tuổi), hiện đang do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Nếu vợ chồng ly hôn, chị H và anh S đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải nhưng anh S xin giải quyết vụ án vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Đỗ Thị Nguyệt H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị được ly hôn anh Trần Huy S và được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 06/6/2017. Chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Các vấn đề khác chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Vũ Thị N có quan điểm: Cháu Trần Ngọc L hiện đang do chị Đỗ Thị Nguyệt H nuôi dưỡng và được vợ chồng bà hỗ trợ nuôi dưỡng, chăm sóc. Việc học tập và cuộc sống của cháu đang rất tốt, ổn định nên bà đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

- Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật. Anh Trần Huy S có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn (anh S) theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị xử ly hôn giữa chị Đỗ Thị Nguyệt H và anh Trần Huy S. Về con chung, đề nghị giao cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 06/6/2017 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H. Các vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng**:

- Yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Nguyệt H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Anh Trần Huy S đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

*** Về nội dung**:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Nguyệt H và anh Trần Huy S là hợp pháp. Chị H - anh S đều thừa nhận vợ chồng có nhiều

mâu thuẫn trong lối sống, sinh hoạt hàng ngày và đã sống ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay. Quá trình sống ly thân, giữa chị H với anh S và bố mẹ đẻ 02 bên gia đình anh chị xảy ra nhiều va chạm, mâu thuẫn, đã phải nhờ Công an đến can thiệp. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp thực tế, được quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị H - anh S tranh chấp về việc nuôi con chung. Xét thấy cháu Trần Ngọc L còn bé (*mới 26 tháng tuổi, tức dưới 03 tuổi*), cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nhiều hơn; mặt khác chị H là người có công việc, thu nhập ổn định và đang nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho cháu L. Vì vậy việc giao cháu L cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Yêu cầu của anh S đề nghị được nuôi cháu L không phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Những vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu của các đương sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Đỗ Thị Nguyệt H và anh Trần Huy S.

2. Về con chung: Giao chị Đỗ Thị Nguyệt H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Trần Trần Ngọc L, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2017 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh Trần Huy S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng

các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Nguyệt H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai số AA/2015/0003453 ngày 19 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Nam. Án phí ly hôn chị H đã nộp đủ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, đối với chị H kể từ ngày tuyên án. Với anh S kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND thị trấn V, huyện L;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thành Nam